Chi tiết mã HS 4822.10.10

Mã HS	4822.10.10
Mô tả hàng hóa	Ống lõi, suốt, cúi và các loại lõi tương tự bằng bột giấy, giấy hoặc bìa (đã hoặc chưa đục lỗ hoặc làm cứng) / - Loại dùng để cuốn sợi dệt: / - - Hình nón cụt (cones)
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	04/11/2026 13:29:25
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/48221010/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K7695
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N7695
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q7695
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	3.5	3,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E7425
ATIGA	2022	2022	0	AT!E7378
ATIGA	2023	2023	0	AT!F7378
ATIGA	2024	2024	0	AT!G7378
ATIGA	2025	2025	0	AT!H7378
ATIGA	2026	2026	0	AT!I7378
ATIGA	2027	2027	0	AT!J7378
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E7428
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F7428

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G7428
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H7428
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I7428
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J7428
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E7429
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F7429
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G7429
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H7429
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I7429
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J7429
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F7430
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H7384
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F7392
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G7392
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H7392
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I7392
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J7392
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K7392
VKFTA	2022	2022	0	VK!E7414
VKFTA	2023	2023	0	VK!F7414
VKFTA	2024	2024	0	VK!G7414
VKFTA	2025	2025	0	VK!H7414
VKFTA	2026	2026	0	VK!I7414
VKFTA	2027	2027	0	VK!J7414
VCFTA	2022	2022	5	VC!D7460
VCFTA	2023	2023	5	VC!E7460

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F7460
VCFTA	2025	2025	0	VC!G7460
VCFTA	2026	2026	0	VC!H7460
VCFTA	2027	2027	0	VC!I7460
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D7440
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E7440
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F7440
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G7440
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H7440
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I7440
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D7453
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E7453
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F7453
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G7453
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H7453
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I7453
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D7457
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E7457
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F7457
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G7457
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H7457
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I7457
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D7458
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E7458
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F7458
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G7458

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H7458
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I7458
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D7408
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E7408
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F7408
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G7408
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H7408
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I7408
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J7408
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D7445
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E7445
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F7445
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G7445
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H7445
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I7445
RCEP B	2022	2022	0	B!D7445
RCEP B	2023	2023	0	B!E7445
RCEP B	2024	2024	0	B!F7445
RCEP B	2025	2025	0	B!G7445
RCEP B	2026	2026	0	B!H7445
RCEP B	2027	2027	0	B!I7445
RCEP C	2022	2022	0	C!D7445
RCEP C	2023	2023	0	C!E7445
RCEP C	2024	2024	0	C!F7445
RCEP C	2025	2025	0	C!G7445
RCEP C	2026	2026	0	C!H7445

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I7445
RCEP D	2022	2022	0	D!D7445
RCEP D	2023	2023	0	D!E7445
RCEP D	2024	2024	0	D!F7445
RCEP D	2025	2025	0	D!G7445
RCEP D	2026	2026	0	D!H7445
RCEP D	2027	2027	0	D!I7445
RCEP E	2022	2022	0	E!D7448
RCEP E	2023	2023	0	E!E7448
RCEP E	2024	2024	0	E!F7448
RCEP E	2025	2025	0	E!G7448
RCEP E	2026	2026	0	E!H7448
RCEP E	2027	2027	0	E!I7448
RCEP F	2022	2022	0	F!D7445
RCEP F	2023	2023	0	F!E7445
RCEP F	2024	2024	0	F!F7445
RCEP F	2025	2025	0	F!G7445
RCEP F	2026	2026	0	F!H7445
RCEP F	2027	2027	0	F!I7445
VIFTA	2024	2024	4.5	VI!F6886
VIFTA	2025	2025	4	VI!G6886
VIFTA	2026	2026	3.5	VI!H6886
VIFTA	2027	2027	3	VI!I6886

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 4822.10 có 2 dòng thuế; dòng 4822.10.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Hình nón cụt (cones).	4822.10.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 4822.10.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 4822.10.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N7695), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.